

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2020

V/v ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “*Ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967.

Các đương sự cùng địa chỉ: Thôn 1, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa vắng mặt: Bà Q (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), ông H vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/02/2020, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1990 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam nhưng vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được khoảng 03 tháng thì phát sinh nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là do ông H hay đánh bạc, ông H không đóng góp kinh tế cho vợ con, còn lấy tiền của bà Q đi đánh bạc. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và chủ yếu từ năm 2014 cho đến nay, nguyên nhân là do ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác.

Bà Q đã góp ý, khuyên bảo nhiều nhưng ông H không chịu thừa nhận còn nhiều lần đánh đuổi và có những hành vi bạo hành gia đình đối với bà Q. Bà Q và ông H đã chấm dứt không quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2014 và chính thức sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin được ly hôn ông H.

2. Về con chung: Bà Q - ông H có 02 con chung là anh Trần Thanh T, sinh năm 1991 và anh Trần Đức T, sinh năm 1993, đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Vợ chồng không phải trách nhiệm nuôi dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về nợ chung: Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia bà Q và ông H mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán trả một nửa số tiền vợ chồng bà đã vay của Ngân hàng N chi nhánh huyện L là 60.000.000 đồng. Ngày 08/6/2020, bà Q đã có đơn rút yêu cầu phần nội dung khởi kiện này.

4. Về tài sản, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kết hợp cùng chính quyền địa phương xã C tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, hướng dẫn làm bản tự khai, ghi lời khai của ông H nhưng ông H từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai của ông H; không tiến hành hòa giải được giữa bà Q với ông H. Bà Q từ chối hòa giải.

Tại phiên tòa: Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bà Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật; ông H không nhận các văn bản tố tụng, không tham gia tố tụng là chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn H. Về nợ chung khi ly hôn, do bà Q đã tự nguyện rút phần nội dung yêu cầu khởi kiện này nên đình chỉ giải quyết việc chia nợ chung khi ly hôn giữa bà Q và ông H. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Về án phí: Bà Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Q với ông Trần Văn H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn (ông Trần Văn H) nhưng ông H từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng, gây cản trở quyền lợi ích hợp pháp của đương sự khác và hoạt động tố tụng của Tòa án, nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Q) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt đối với bà Q, ông H theo thủ tục chung quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Q cung cấp là do ông H hay đánh bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế chung của vợ chồng; ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên hay đánh đuổi và có những hành vi bạo hành gia đình đối với bà Q, vợ chồng bà đã chấm dứt không quan hệ tình cảm từ năm 2014 cho đến nay. Ông H thì cho rằng vợ chồng ông đã nhiều tuổi, con chung đều đã lớn, bà Q bỏ đi miền Nam làm ăn từ năm 2014, nay lại tự ý có đơn ly hôn, ông không đồng ý ly hôn nên từ chối nhận văn bản tố tụng, từ chối tham gia tố tụng. Như vậy tuy chưa có đủ căn cứ để xác định nội dung mâu thuẫn như bà Q đã nêu ở trên nhưng bà Q và ông H đều xác định việc bà Q đã bỏ đi miền Nam làm ăn từ năm 2014, từ đó đến nay vợ chồng không có ai quan tâm gì đến cuộc sống chung; ông H không đồng ý ly hôn nhưng lại không có thiện chí tham gia hòa giải đoàn tụ với bà Q. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Con chung của bà Q và ông H là anh Trần Thanh T, sinh năm 1991 và anh Trần Đức T, sinh năm 1993, đều đã đủ tuổi trưởng thành, tự lập theo quy định pháp luật. Bà Q và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về nợ chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 08/6/2020 bà Nguyễn Thị Q đã có đơn rút yêu cầu phân nội dung khởi kiện chia nợ chung của bà và ông Trần Văn H khi vợ chồng ly hôn. Xét việc rút yêu cầu của bà Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ việc giải quyết phần nội dung khởi kiện yêu cầu chia nợ chung của bà Q và ông H.

[4] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn H.

2. Đình chỉ với nội dung yêu cầu khởi kiện chia nợ chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Q. Bà Q và các đương sự được quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ chung này bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Được trừ vào tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai số AA/2015/0003647 ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hà Nam. Án phí ly hôn bà Q đã nộp đủ.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thành Nam